

Truyền dạy các tri thức văn hóa dân gian qua lễ hội

PGS.TS LÊ HỒNG LÝ*

Những năm gần đây, vấn đề tri thức dân gian (hay trí tuệ bản địa) được thế giới rất quan tâm. Có lẽ đứng trước một thực trạng kinh tế ngày càng phát triển, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đang làm mất dần đi những tri thức truyền thống mà đôi lúc còn bị coi là lạc hậu. Xu thế toàn cầu hoá và hội nhập là không thể tránh khỏi ở tất cả các nước đang phát triển. Đứng trước tình hình đó, một mặt người ta không khỏi lo sợ sự biến mất của nhiều giá trị văn hoá truyền thống, đặc biệt là những tri thức dân gian. Mặt khác, ở một chừng mực nào đó, đời sống và khoa học hiện đại cũng chưa giải quyết được mọi vấn đề cho con người ... vì vậy, con người vẫn phải dựa vào những phương thuốc dân gian, vào tâm linh... Các phương tiện thông tin đại chúng ngày càng nhiều, càng hiện đại như truyền hình, phát thanh, báo chí, mạng v.v..., song không phải tất cả mọi người đều có thể khai thác và sử dụng được, do đó một nghi lễ vòng đời hay một lễ hội dân gian nhiều khi lại có tác dụng hiệu quả trong việc giáo dục lịch sử hay đạo đức cho mỗi thành viên của cộng đồng dân cư...

Đứng trước tình hình như vậy, tổ chức các bộ trưởng giáo dục khối Đông Nam Á (Southeast Asian Ministers of Education Organization) gọi tắt là SEAMEO đã hết sức chú trọng vào việc

đưa tri thức bản địa của các dân tộc vào hệ thống giáo dục trong nhà trường phổ thông của các nước trong khối. Tùy theo điều kiện của mỗi nước mà việc này được thực hiện ở các mức độ khác nhau, như đưa thành các điều trong luật giáo dục, dưới hình thức các giờ học ngoài trời, seminar, tham quan gặp gỡ các nghệ nhân, mở các lớp học ngắn hạn về môi trường, về nghề thủ công, y học dân gian v.v...

Để phục vụ cho việc giáo dục thì công tác nghiên cứu cũng được tiến hành song song. Trường hợp Thái Lan là khá điển hình, Bộ Giáo dục Thái Lan đã tạo điều kiện tốt cho việc truyền dạy các tri thức bản địa ở các trường phổ thông dưới nhiều hình thức, trong nhiều trung tâm nghiên cứu ở các trường đại học trong nước có nhiều dự án nghiên cứu tri thức bản địa. Đã từ nhiều năm nay Chính phủ công nhận danh hiệu nghệ nhân dân gian (Master of traditional Medicine hay Master of Art). Hiện tại toàn nước Thái Lan đã có 131 nghệ nhân được công nhận. Điều này, vào năm 2002, Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam cũng đã thông qua việc công nhận danh hiệu nghệ nhân nhân dân và nghệ nhân ưu tú. Hội văn nghệ dân gian Việt Nam đã tiến hành công

* VIỆN NGHIÊN CỨU VĂN HOÁ

nhận được một số nghệ nhân dân gian trong khuôn khổ hoạt động của mình.

Sự quan tâm của các nước Đông Nam Á về việc đưa tri thức dân gian vào hệ thống giáo dục như một di sản văn hoá đã được thể hiện khá cụ thể trong những hội thảo thường xuyên, cũng như các dự án của các nước trong khu vực. Những hoạt động này đều do Trung tâm khu vực Đông Nam Á về khảo cổ học và mỹ thuật SEAMEO, gọi tắt là SPAFA (Regional Centre for Archaeology and Fine Art) thực hiện. Xin đơn cử hai hội thảo quốc tế gần đây nhất để thấy rõ điều này. Đó là hội thảo quốc tế mang tên: "Những vấn đề văn hoá, bối cảnh và sự lựa chọn trong sự phát triển" diễn ra từ ngày 28 đến 30/11/2002 tại Băng Cốc và "Trí tuệ bản địa và sự phát triển trong một thế giới đang biến đổi" diễn ra từ ngày 12 đến 14/2/2004 tại Chiêng Rai - Thái Lan. Theo như kết luận của Ban tổ chức Hội thảo thì nhiều tổ chức quốc tế và các nước láng giềng của khu vực như Ấn Độ, Trung Quốc, Australia, UNESCO v.v... hết sức quan tâm ủng hộ và tài trợ, do vậy công việc này sẽ còn được tiến hành trong các năm tiếp theo.

Có thể nói, ở Việt Nam việc giáo dục tri thức bản địa chưa được chính thức đưa vào chương trình giáo dục phổ thông như ở Thái Lan và một vài nước khác trong khu vực, song trên thực tế cũng như trong quá khứ, việc này được cha ông ta tiến hành khá thường xuyên trong đời sống hàng ngày như trong ca dao, tục ngữ, chữa bệnh, dân gian, các nghi lễ vòng đời, các sinh hoạt đồng họ... và đặc biệt là trong các hội làng của người Việt. Dưới đây là những xem xét của chúng tôi về vấn đề này qua sinh hoạt lễ hội của người Việt.

Lấy đối tượng nghiên cứu là lễ hội của người Việt ở châu thổ Bắc Bộ, bởi vì theo chúng tôi đây là một hiện tượng văn hoá truyền thống rất phổ biến trong quá khứ và hiện nay vẫn đang tồn tại rất sôi động. Mặt khác, lễ hội của người Việt đóng một vai trò rất quan trọng trong việc giáo dục lịch sử và đạo đức cho các thế hệ.

Trở lại lịch sử của nước ta trước năm 1945, trên 90% dân số là mù chữ. Số người biết chữ quốc ngữ và chữ Hán là rất ít. Trừ một số trung tâm lớn, nơi chính quyền làm việc như Hà Nội, Huế, Sài Gòn..., còn lại trên hầu khắp cả nước các hệ thống thông tin, sách vở, báo chí đều rất hạn chế, nếu không nói là mù hủ. Các trường học thì ít ỏi, chỉ dành cho con em các gia đình quan lại, giàu có... Tuy vậy, việc giáo dục truyền thống, đặc biệt là truyền thống lịch sử

của dân tộc, vẫn được tiến hành hết sức rộng rãi. Người Việt từ thế hệ này sang thế hệ khác vẫn biết được lịch sử dân tộc mình từ nguồn gốc đến sự phát triển của nó qua các thời kỳ. Một trong những đóng góp vào việc này chính là nhờ các lễ hội truyền thống ở các làng Việt xưa.

Ở nước ta, gần như làng nào cũng có hội. Lễ hội nhằm tưởng niệm các vị anh hùng đã có công khai phá đất đai lập nên làng đó, là người làng có công đánh giặc bảo vệ làng, là một vị thần sông, núi hay một kiếp đời đã qua có ảnh hưởng đến đời sống của dân làng. Đặc biệt hơn nữa là các vị anh hùng trong lịch sử của đất nước được rất nhiều làng thờ và những lễ hội liên quan luôn là những hội khá nổi tiếng.

Thống kê mới nhất cuối năm 2003 của Cục Văn hoá Thông tin cơ sở, trong cả nước hiện có tới 8902 lễ hội. Trong đó có:

- 25 lễ hội du nhập từ nước ngoài.
- 1399 lễ hội tôn giáo.
- 409 lễ hội cách mạng (sau năm 1945).
- 7005 lễ hội dân gian.
- 64 lễ hội khác(1).

Phần lớn trong số 7005 lễ hội dân gian này đều thờ các nhân vật có liên quan đến lịch sử đất nước hay lịch sử của địa phương. Bằng vào việc tham gia các lễ hội ấy, người dân có thể thuộc lòng lịch sử của địa phương mình hay của đất nước. Lấy thí dụ một số lễ hội nổi tiếng còn tồn tại đến ngày nay như:

- Hội đền Hùng ở Phú Thọ, vùng đất tổ của người Việt thờ các Vua Hùng, tương truyền là các vị tổ đầu tiên của lịch sử 4000 năm dựng nước và giữ nước của dân Việt.

- Hội đền Phù Đổng ở Gia Lâm và Sóc Sơn thờ Thánh Gióng.

- Hội đền An Dương Vương ở Cổ Loa, thờ Thục Phán An Dương Vương người đã xây dựng Loa thành nổi tiếng trong lịch sử.

- Hội đền Hai Bà Trưng (ở Mê Linh - Vĩnh Phúc, ở Đồng Nhân - Hà Nội, ở Hát Môn - Hà Tây)... thờ hai vị nữ anh hùng có công đánh giặc Hán (đầu Công nguyên).

- Hội đền Phùng Hưng ở Triều Khúc (Hà Nội), ở Đường Lâm (Hà Tây) thờ Bồ Cái đại vương Phùng Hưng thế kỷ thứ 7.

- Hội đền Đinh-Lê thờ Đinh Tiên Hoàng và Lê Hoàn, hai vị vua đầu tiên của thời kỳ độc lập tự chủ, thế kỷ thứ 10.

- Hội đền Đô thờ các vua nhà Lý. Vào thế kỷ 11-12 tại làng Đình Bảng, Bắc Ninh.

- Hội đền Kiếp Bạc thờ Trần Hưng Đạo, một vị tướng lừng danh thời Trần.

- Hội đền Thiên Trường ở Nam Định thờ các vị vua Trần thế kỷ 13-14.
- Lễ hội Lam Kinh ở Thanh Hoá thờ Lê Lợi, vị vua đời Lê sơ thế kỷ 15 đã có công đánh đuổi quân xâm lược nhà Minh.
- Các lễ hội ở Huế liên quan đến nhà Nguyễn, triều đại quân chủ cuối cùng ở Việt Nam.

- Lễ hội Yên Thế ở Bắc Giang thờ vị anh hùng chống Pháp là Hoàng Hoa Thám...

Bên cạnh những lễ hội thờ các vị vua của mỗi triều đại còn có những lễ hội thờ các vị tướng, các vị quan có công với dân với nước ở những thời đó. Bằng cách tham dự vào các lễ hội này, và qua nội dung, cách tổ chức của các lễ hội truyền thống, người dân bình thường sẽ hiểu được một cách đầy đủ về diễn trình lịch sử của dân tộc mà không cần phải học qua trường lớp, sách vở hay các phương tiện thông tin đại chúng nào.

Trước hết, mỗi lễ hội đều có những di tích riêng của nó. Đó là nơi thờ, là nơi ghi dấu ấn quá khứ của thần. Hàng năm dân làng tập trung tại di tích để mở lễ hội. Những ngày thường, nơi đây cũng là chỗ qua lại của người dân mỗi khi họ có việc cần thiết, như sinh con, làm nhà, đi làm ăn xa, ốm đau, bệnh tật... để cầu xin sự che chở, phù hộ của thần linh.

Những di tích này được người dân coi là chốn thiêng liêng và thường gắn với một sự kiện nào đó của vị thần được thờ. Có thể đó là nơi ngài được sinh ra, nơi nghỉ chân trên đường đánh giặc, địa điểm xuất quân, khao quân, là căn cứ, là chiến trận, chỗ đóng đô hoặc nơi tử trận vv và vv...

Kèm theo mỗi vị thần thường có từ một đến nhiều truyền thuyết và những di tích thờ liên quan. Chính những truyền thuyết ấy là những chi tiết trong "kịch bản" của các lễ hội truyền thống. Trong lễ hội, người ta tái hiện lại các sự kiện đó dưới nhiều hình thức, nhiều biểu trưng khác nhau. Ví dụ: Đám rước có thể biểu hiện cho một trận ra quân đánh giặc, một cuộc khai hoàn chiến thắng hay nhắc nhở đến một sự kiện nào đó của vị thần. Một điệu múa cờ tượng trưng cho cuộc chiến đấu gay go, ác liệt. Một trận đấu vật nhằm nhắc lại một sự kiện tuyển chọn tướng tài. Trò cờ lau tập trận nhắc lại sự tích của người anh hùng Đinh Bộ Lĩnh từ thuở thiếu thời v.v...

Nội dung của ngày hội còn có các cuộc tế lễ, mà nghi thức của nó là sự bày tỏ tình cảm, lòng kính trọng, sự biết ơn cũng như ước vọng

cầu mong sự giúp đỡ của các vị thần, được coi là những vị đã giúp dân làng trong quá khứ và đang tiếp tục phù trợ họ trong hiện tại. Người ta dâng lên bàn thờ thần những của ngon vật lạ do tự tay họ làm ra: những hoa quả đẹp nhất, ngon nhất, những món ăn, quà bánh, rượu thịt... như vừa để tạ ơn vừa để xin sự che chở. Tế lễ là nghi lễ hết sức quan trọng, vì được coi là sự giao tiếp của người với thần. Do vậy, mọi người đều phải hết sức kính cẩn, trang trọng. Kèm theo lễ còn có nhạc, có chiêng, trống làm cho cuộc tế vừa nghiêm trang vừa cuốn hút. Mặt khác, để bảo đảm sự trang trọng ấy, những người tế cần phải được lựa chọn, phải tập luyện cẩn thận. Cũng tương tự như vậy đối với những người tham gia rước. Đám rước đòi hỏi sự tham gia của nhiều người, song luôn được tổ chức rất chặt chẽ, người nào làm việc gì, ở vị trí nào đều cố sự lựa chọn, phân công tỉ mỉ.

Những trò diễn, trò đua tài và cả trò chơi cũng vậy. Bên cạnh sự hấp dẫn của sự thi đua giật giải là những quy định nghiêm ngặt của luật lệ, phong tục và cả thứ bậc nữa, nhất là những trò diễn, trò "chơi" mang tính chất phong tục. Ngoài ra, những trò chơi, văn nghệ hay những cuộc đua tài có tính chất giải trí thì làng nào cũng có và rất phong phú, tùy theo điều kiện địa lý, phong tục tập quán của từng nơi.

Sau những hoạt động vừa có tính nghi lễ và "giải trí" ấy là những bữa ăn cộng cảm nhuộm màu linh thiêng của cộng đồng làng, vì được nghĩ là lộc thánh. Miếng ăn này không còn mang tính đơn thuần để lấy no, lấy sướng mà là một biểu hiện về mối liên kết giữa các cá nhân trong cộng đồng, miếng ăn thể hiện vị trí, vai trò của người được ăn trước mặt cộng đồng theo tâm lý "một miếng giữa làng bằng một sàng xó bếp".

Đó là nội dung tóm tắt của những gì diễn ra đối với một lễ hội ở làng Việt trong quá khứ mà còn tồn tại đến tận ngày nay. Vậy ý nghĩa giáo dục lịch sử và đạo đức (ít ra là như vậy) thể hiện ở đâu trong các lễ hội ấy?

Thứ nhất, năm này qua năm khác, người đi dự hội sẽ được nghe kể về lại lịch của vị thần, lịch sử của di tích và những sự tích xung quanh, ví như đền Hạ, đền Trung, đền Thượng ở hội Đền Hùng, cột đá thể (ở Đền Hùng), Núi Sóc (Đền Gióng), Sòi Bia, đóng Đám (hội đền Phù Đổng), hang Trâu, núi Kiếm (hội đền Đình - Ninh Bình) v.v... Mỗi đám rước, trò diễn lại có những sự tích riêng về nó. Bằng cách này, lịch sử dân tộc in lại trong đầu mỗi người đi hội

thành một hệ thống các sự kiện, các thời kỳ lịch sử của đất nước với những nhân chứng, những sự kiện cụ thể. Dần dần, người này kể cho người kia và tự họ nhớ rất rành rọt truyền thống lịch sử của đất nước từ triều đại này qua triều đại khác. Việc "học" đó diễn ra một cách tự nhiên, dễ hiểu, dễ nhớ mà lại rất sâu sắc. Bởi vì lịch sử ở đây được kể bằng những hình ảnh cụ thể với những địa điểm, chứng tích và những biểu tượng nhuộm màu tâm linh nên nó vừa linh thiêng lại vừa thú vị, dễ ăn sâu vào trái tim khối óc mỗi người.

Thứ hai, bằng việc tế lễ trước bàn thờ Thánh, người ta biết mình đang tỏ lòng biết ơn và kính trọng với ai - người đã có công trong quá khứ, tới nay, khi đã thành thần những vị đó vẫn như đang tồn tại bên đời sống của dân làng, vỗ về, an ủi, che chở họ trong cuộc sống hàng ngày ở tất cả mọi phương diện. Điều này, một mặt phù hợp với đạo lý uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây. Mặt khác, đó là một hiện tượng nảy sinh từ tục thờ cúng tổ tiên, biết ơn những người đã gây dựng cơ nghiệp cho ngày hôm nay của người Việt. Khi đứng trước bàn thờ thấp nén hương dâng lên thần linh, người ta đã ý thức được rằng, muốn đến đáp công ơn của người đi trước thì tự mỗi người phải biết noi gương mà sống tốt hơn, đẹp hơn. Nếu không thì sự trừng phạt không phải chỉ cho bản thân anh ta, mà cho cả gia đình, dòng họ và cộng đồng.

Thứ ba, với việc cùng nhau tham gia vào lễ hội, từ việc nhỏ nhất đến việc lớn nhất, ai cũng ý thức được việc mình làm, vị trí của mình ở đâu. Do vậy, ai cũng tự nhủ phải làm cho tốt để có một lễ hội hoàn thiện đối với các vị thần. Từ chỗ không gây ra những sai sót, họ sẽ được che chở, điều này làm người ta yên lòng hơn, phần chấn hơn. ý thức ấy cũng là một cách giáo dục tính tự giác, tính kỷ luật của con người qua lễ hội. Từ đó, lúc đất nước nguy nan, mỗi mắt xích ấy sẽ kết thành một khối thống nhất để chống lại bất cứ một kẻ thù nào khi chúng xâm lược.

Cũng trong quá trình cùng nhau tham gia vào những công việc lễ hội, mọi người từ chỗ hiểu được mà nhận ra trách nhiệm của mình rồi lại truyền cho người khác được hiểu và làm như mình. Nếu không làm được như vậy là có tội, là bất kính, là vô ơn đối với những người đã vì cuộc sống hôm nay. Như vậy lịch sử dân tộc, đạo đức, lối sống của con người được trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác một cách tự nhiên, tự nguyện, không gò ép, khiến

cường... Bằng cách đó, nó thấm sâu vào máu thịt, vào ý thức của mỗi người.

Cuối cùng, việc cùng nhau tham gia lễ hội là dịp thắt chặt tình đoàn kết cộng đồng trước vị thần được thờ. Mỗi dây liên kết này được gắn bó chặt chẽ bằng các nghi lễ tôn giáo nên nó là sự tập hợp sức mạnh đã nhuộm màu tâm linh, nó củng cố ý thức cộng đồng, nhắc nhở đạo lý làm người của mỗi thành viên, tạo sự tồn tại bền chặt cho cộng đồng ấy.

Ngày nay, xu thế toàn cầu hoá và nền kinh tế thị trường đang tác động mạnh mẽ vào làng Việt, nhưng lễ hội truyền thống vẫn không ngừng phát triển. Cuộc "va đập" này vẫn không làm giảm đi những phương pháp giáo dục lịch sử và đạo đức theo cách truyền thống.

Sự củng cố, khôi phục lại những lễ hội trong những năm gần đây như một sự đáp lại cái xô bồ, ô ạt của lối sống phương Tây đang tràn vào các làng Việt và càng ngày những giá trị của truyền thống càng tỏ rõ bản lĩnh của nó. Ở góc độ khác, lễ hội còn đóng vai trò làm cân bằng đời sống căng thẳng hiện tại với nhiều áp lực do cuộc vật lộn hàng ngày của con người. Nó góp phần an ủi, điều chỉnh cho con người trước rất nhiều bất trắc của cuộc sống hiện đại như xu thế đô thị hoá gây nên ô nhiễm môi trường, dịch bệnh với quy mô lớn, tai nạn giao thông, những bất trắc trong làm ăn kinh tế, tệ nạn xã hội vv và vv... Đi dự lễ hội, ngoài việc tạo được sự thanh thản, qua thực hành những tín ngưỡng, con người có thể bình tĩnh hơn, an tâm, kiểm chế hơn trước những công việc và những sự cảm dỗ của vật chất...

Trước thần thánh phần nào con người sẽ giảm lòng tham, tính ích kỷ, làm ăn bất chính... và biết sợ hãi, lo sợ bị quả báo, sợ bị trừng phạt... Bằng cách này, lễ hội truyền thống đóng góp vào việc điều chỉnh tâm hồn cho con người để có ích cho cả cộng đồng và xã hội. Từ đây, nhiều việc công ích được thực hiện như tiền tự nguyện đóng góp của khách dự hội (mà không ít trong số đó là sự sám hối) sẽ giúp các làng tu bổ lại các di tích, đóng góp vào các công việc từ thiện, xã hội và góp phần giữ gìn, khôi phục những giá trị văn hoá.

Tóm lại, dù trải qua biết bao thăng trầm thì lễ hội truyền thống Việt Nam vẫn giữ một vai trò đáng kể trong đời sống văn hoá của dân tộc.

L.H.L

Chú thích

1 Nguồn: Cục Văn hoá Thông tin cơ sở. Hội nghị cộng tác viên cuối năm 2003.